

Bản án số: 302/2023/HC-PT

Ngày: 30/8/2023

*V/v “Kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường,
hỗ trợ khi thu hồi đất”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông **Đình Phước Hòa**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tiến**

 ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 52/2023/TLPT-HC ngày 14 tháng 04 năm 2023 về: *“Kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”*. Do bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2970/2023/QĐPT-HC ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Hoàng Phong S, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1980; Địa chỉ:.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Trần Quang T, sinh năm 1977; Địa chỉ: S.09 đường A, E, KDC V, phường V, Thành phố T, Bình Dương. Có mặt

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T1 - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố T: bà Nguyễn Thị Xuân Đ - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện của UBND xã B: bà Nguyễn Thị Phương T2 - Chủ tịch UBND xã B. Có mặt

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T: bà Mai Thị Tương L – Nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T: bà Nguyễn Thị Xuân Đ - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. Có mặt

4. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện vợ chồng ông Hoàng Phong S, bà Nguyễn Thị Kim Q và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Quang T thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông Hoàng Phong S và bà Nguyễn Thị Kim Q nhận chuyển nhượng diện tích đất 728m², thửa đất số 653, tờ bản đồ 231-C tại xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên từ ông Huỳnh Văn L1. Ngày 26/5/2010, UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 916134 đứng tên bà Nguyễn Thị Kim Q.

Vào tháng 02/2018, vợ chồng ông S, bà Q nhận được Thông báo số 311/TB-UBND của UBND thành phố T về việc thu hồi thửa đất nêu trên để thực hiện dự án: *Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư đường B giai đoạn 2*. Ngày 30/12/2019, UBND thành phố T ra Quyết định số 6694/QĐ-UBND về thu hồi thửa đất này; kèm theo là Quyết định số 107/UBND ngày 09/01/2020 của UBND thành phố T quyết định số tiền bồi thường cho vợ chồng ông S, bà Q với số tiền là 124.990.401 đồng. Vợ chồng ông S, bà Q cho rằng Quyết định 6694/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND thành phố T được ban hành không đúng thẩm quyền, không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền sở hữu của vợ chồng ông S, bà Q tại thửa đất số 653, tờ bản đồ 231-C tại xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Vì vậy, người khởi kiện vợ chồng ông Hoàng Phong S và bà Nguyễn Thị Kim Q yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định 6694/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND thành phố T và xem xét các quyết định hành chính liên quan đến việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Kim Q để thực hiện Dự án: *Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2*;

- Đề nghị xem xét Nghị Quyết số 103/NQ-UBND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên và Quyết định số 11/QĐ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố T vì ban hành không đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND thành phố T trình bày: (Văn bản số 6017/UBND ngày 23/12/2020 và văn bản số 3769/UBND ngày 21/9/2021 của UBND thành phố T).

Căn cứ thu hồi đất để thực hiện dự án: Quyết định số 11/QĐ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố T; Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên; Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Nguồn gốc và quá trình quản lý sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Kim Q:

Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 16, diện tích 890,3m² (Trong đó diện tích bị thu hồi 859,4m², diện tích còn lại 30,9m²) loại đất theo hiện trạng là đất trồng cây hàng năm khác (BHK). Ngày 22/02/2018, UBND thành phố T ban hành thông báo số 311/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: *Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2, thu hồi đất diện tích đất dự kiến 859,4 m² của hộ bà Nguyễn Thị Kim Q.* Theo biên bản họp xác định nguồn gốc đất, loại đất, thời điểm giao đất, thời điểm hình thành tài sản gắn liền với đất với hộ gia đình, cá nhân trúng giải tỏa thực hiện Dự án: *Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2 do UBND xã B ngày 30/7/2018, hộ bà Nguyễn Thị Kim Q đã được Hội đồng quy chủ xã B thống nhất kết luận:*

“Nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng, được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất; thời điểm sử dụng đất: Năm 2010; Hiện trạng sử dụng đất: Xây tường rào và trồng cây; Tình trạng tranh chấp, khiếu nại (không); Loại đất BHK; Chủ sử dụng: bà Nguyễn Thị Kim Q + UBND xã B; Diện tích đất đã bị thu hồi: 859,4m², diện tích còn lại 30,9m², trong đó:

Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật đất đai thu hồi 697,1m², loại đất BHK; căn cứ bản đồ địa chính đo đạc năm 1994 thuộc thửa đất 549^a, tờ bản đồ số 231c, diện tích 198.850m² loại đất LN; theo sổ mục kê đất lập năm 1998 thuộc thửa đất 549^a diện tích 198.50m² loại đất LN tên chủ sử dụng đất: Đất trồng dương do UBND xã B quản lý. Hội đồng thống nhất thu hồi đất do UBND xã B quản lý với diện tích 163m², loại đất LN”.

Ngày 20/6/2019, UBND thành phố T ban hành Thông báo số 1179/TB-UBND về việc chỉnh nội dung khoản 1 Thông báo số 311/TB-UBND ngày 22/02/2018 thu hồi đất diện tích đất dự kiến 859,4m² của hộ bà Nguyễn Thị Kim Q (Trong đó: 697,1m² của hộ bà Nguyễn Thị Kim Q, diện tích 162,3m² của UBND xã B quản lý).

Ngày 30/12/2019, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 6694/QĐ-UBND thu hồi 859,4m² đất của bà Nguyễn Thị Kim Q (thường trú tại Phường E,

thành phố T, tỉnh Phú Yên) đang sử dụng (bao gồm 697,1m² đất của bà Nguyễn Thị Kim Q, 162,1m² đất do UBND xã B quản lý).

Theo kết luận nêu trên của Hội đồng quy chủ xã B thì phần diện tích đất còn lại 30,9m² (890,4m² - 859,4m²) là đất BHK thuộc phần diện tích mà bà Nguyễn Thị Kim Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 916134 nên bà Nguyễn Thị Kim Q đủ điều kiện sử dụng vào mục đích đất trồng cây hàng năm khác.

Về việc diện tích 30,9m² đất của bà Nguyễn Thị Kim Q có đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất hay không:

Theo bản đồ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất được ban hành kèm theo Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố T thì phần diện tích 30,9m² còn lại sau khi thu hồi thuộc vị trí quy hoạch đất ở - kí hiệu ONT.

Như vậy, để có cơ sở xác định phần diện tích sau khi bị thu hồi là 30,9m² có đủ điều kiện để chuyển mục đích đất hay không thì ông S, bà Q phải có đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất và lập thủ tục đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất theo trình tự Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Phú Yên về việc công bố thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và các quy định liên quan để cơ quan chức năng thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, xác định quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng...

Lý do UBND thành phố không thu hồi diện tích 30,9m² đất còn lại của bà Nguyễn Thị Kim Q vì: Theo Điều 8 Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên, quy định về bồi thường đối với đất nông nghiệp còn lại sau khi thu hồi không đủ điều kiện sản xuất: *“Trường hợp người bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà diện tích còn lại của thửa đất sau khi Nhà nước thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sản xuất, nếu người bị thu hồi đất có đơn đề nghị Nhà nước thu hồi phần diện tích đất nông nghiệp còn lại phù hợp với thực tế thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thu hồi, bồi thường, hỗ trợ theo quy định, giao diện tích đất thu hồi cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chủ trì, phối hợp với Phòng T, phòng N1 (hoặc Phòng Kinh tế), Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi xác định bằng văn bản diện tích đất còn lại không đủ điều kiện sản xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, kết luận”*. Đối chiếu quy định nêu trên, thời điểm hiện nay thì người bị nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (bà Nguyễn Thị Kim Q) không có đơn đề nghị thu hồi phần diện tích 30,9m² đất nông nghiệp còn lại. Do đó, không có cơ sở để UBND thành phố thu hồi đất ngoài dự án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã B trình bày: (Văn bản số 53/UBND ngày 15/6/2022 của UBND xã B):

Nguồn gốc đất mà vợ chồng ông Hoàng Phong S và bà Nguyễn Thị Kim Q đang khởi kiện do ông Huỳnh Văn L1 được nhà nước giao đất theo Nghị định

64/NĐ-CP từ năm 1998, đến năm 2010 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim Q1. Ngày 26/5/2010 bà Nguyễn Thị Kim Q được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 916134, tại thửa đất số 653, thuộc bản đồ 231C, diện tích 728m², loại đất BHK.

Ngày 22/02/2018, UBND thành phố T ban hành Thông báo số 311/TB-UBND về thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Kim Q, với diện tích đo đạc thực tế là 890,3m² (thu hồi trong dự án là 859,9m², đất còn lại là 30,3m²) để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2.

Diện tích đất hiện trạng tăng 162,3m² (890,3m²-728m²) so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà Nguyễn Thị Kim Q lấn đất trồng dương tại thửa đất số 549a, tờ bản đồ 231C do UBND xã B quản lý.

Ngày 30/12/2019, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 6694/QĐ-UBND về thu hồi đất để thực hiện dự án *Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2* đối với bà Nguyễn Thị Kim Q.

Hiện nay bà Nguyễn Thị Kim Q chưa đồng ý nhận tiền bồi thường và chưa bàn giao mặt bằng cho nhà nước thực hiện dự án và nhà nước chưa san lấp mặt bằng tại thửa đất nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 09/11/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 32, 116, 143, 158, khoản 1 Điều 193; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 và Điều 358 Luật tổ tụng hành chính; Điều 75, Điều 77, Điều 82 Điều Luật đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vợ chồng ông Hoàng Phong S và bà Nguyễn Thị Kim Q đối với yêu cầu:

- Hủy Thông báo số 311/TB-UBND ngày 22/02/2018 của UBND thành phố T về thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2.

- Hủy Thông báo số 1179/TB-UBND ngày 20/6/2019 về Điều chỉnh Khoản 1 Thông báo số 311/TB-UBND ngày 22/02/2018 của UBND thành phố T.

- Hủy một phần Phương án số 83/PA-PTQĐ ngày 20/11/2019 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T về Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2 - Phần liên quan đến thửa đất số 653, tờ bản đồ 231-C tại xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Hủy Quyết định số 6694/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND thành phố T về thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất

để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2 đối với bà Nguyễn Thị Kim Q.

- Hội Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND thành phố T về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông (bà) Nguyễn Thị Kim Q trúng giải tỏa Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2.

- Buộc UBND thành phố T phải thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đối với thửa đất số 653, tờ bản đồ 231-C tại xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên cho vợ chồng ông Hoàng Phong S và bà Nguyễn Thị Kim Q theo đúng quy định của pháp luật.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện hủy Nghị Quyết số 103/NQ-UBND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên và Quyết định số 11/QĐ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quy định việc thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/11/2022, Ủy ban nhân dân thành phố T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng Phong S, bà Nguyễn Thị Kim Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và chứng cứ mới mà ông Trần Quang T cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Phong S, bà Nguyễn Thị Kim Q là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Phong S, bà Nguyễn Thị Kim Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

1. Xét đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Tại khoản 9, 12 Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định như sau:

“Điều 4. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

...

9. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh).

...

12. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện).

Đôi chiếu quy định trên thì Nghị quyết số 103/NQ-UBND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên và Quyết định số 11/QĐ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố T là văn bản quy phạm pháp luật, đây không phải là quyết định hành chính trong vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là không đúng quy định pháp luật. Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện đã rút yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử đã đình chỉ giải quyết, không giải quyết nhưng tiếp tục xem xét và nhận định “Do đó, Quyết định số 11/QĐ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố T phê duyệt chủ trương đầu tư trên cơ sở Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 và Nghị quyết 103/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất vì mục đích để thực hiện các dự án, công trình trong năm 2017, năm 2018 trên địa bàn tỉnh Phú Yên là có căn cứ, không trái với quy định của khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013” là không đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án chỉ có quyền kiến nghị cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật nếu phát hiện văn bản đó có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên theo quy định tại Điều 6 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Năm 1998, Nhà nước giao 728m² loại đất BHK cho ông Huỳnh Văn L1 theo Nghị định 64/NĐ-CP.

Ngày 13/4/2010, ông L1 đã chuyển nhượng lại thửa đất số 653, tờ bản đồ số 231-C, diện tích 728m² cho vợ chồng ông Hoàng Phong S, bà Nguyễn Thị Kim Q. Ngày 26/5/2010, bà Nguyễn Thị Kim Q được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 916134, tại thửa đất số 653, thuộc bản đồ 231C, diện tích 728m², loại đất BHK. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Quang T xác nhận khi nhận chuyển nhượng đất thì vợ chồng ông S, bà Q có tiến hành đo thửa đất nên việc chuyển nhượng là đúng 728m² đất. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông S, bà Q tiến hành xây tường bao quanh thửa đất.

[3] Tại “Đơn kiến nghị” đề ngày 11/10/2013 gửi Ủy ban nhân dân xã B, bà Nguyễn Thị Kim Q trình bày “Nguyên trước đây, vợ chồng tôi có mua 01 lô đất của ông Huỳnh L1...lô đất có chiều rộng 9,7m và chiều dài 100m. Phần diện tích trên sổ đỏ là 728m² (rộng 9,7m x dài 75m), phần khai hoang nối đuôi theo dài 25m cũng thuộc quyền sở hữu của chúng tôi (vì tất cả người dân có đất ở khu vực trên đều được hưởng quyền lợi như thế). Vợ chồng tôi cho Lương Thị T3 để nhờ cây trên diện tích 970 (rộng 9,7m x dài 100m) từ năm 2010 cho đến nay”.

[4] Ngày 23/10/2013, Ủy ban nhân dân xã B có Văn bản số 51/UBND trả lời bà Q “*Thông qua nội dung kiến nghị của bà Nguyễn Thị Kim Q không có điều kiện giải quyết vì: Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 916134 do UBND thành phố T cấp ngày 26/5/2020 cho bà Nguyễn Thị Kim Q với số thửa 653, TĐĐ 231C, diện tích 728m². Thực tế qua kiểm tra đo kích thước từng cạnh thửa đất 653, TĐĐ 231C Nhà nước đã giao cho bà đúng như kích thước, sơ đồ thửa đất thể hiện trên trang 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không ai xâm phạm đến QSDĐ diện tích đất mà Nhà nước đã giao cho bà. Đối với phần diện tích đất UBND xã quản lý nếu bà có nhu cầu sử dụng thì làm đơn thuê đất gửi UBND xã B xem xét giải quyết theo thẩm quyền*”.

[5] Như vậy, vợ chồng ông Hoàng Phong S, bà Nguyễn Thị Kim Q mua thửa đất của ông Nguyễn L2 có diện tích 728m², sau khi nhận chuyển nhượng từ năm 2010 thì vợ chồng ông S, bà Q không sử dụng mà cho bà Lương Thị T3, ông Nguyễn Văn N để nhờ cây trên đất. Từ năm 2013, Ủy ban nhân dân xã B đã trả lời cho bà Q biết phần đất phía sau thửa đất số 653 là do Nhà nước quản lý, nhưng ông S bà Q vẫn xây hàng rào bao quanh diện tích đất 162m² ở phía sau thửa đất. Do đó, vợ chồng ông S, bà Q2 không có quyền sử dụng đối với phần diện tích 162,3m² đất.

[6] Do 162,3m² đất không phải vợ chồng ông S, bà Q khai hoang (thực tế không sử dụng) và đã được Ủy ban nhân dân xã B xác định là đất do Nhà nước quản lý từ năm 2013 nên tại Quyết định số 6694/QĐ-UBND ngày 30/12/2019, Ủy ban nhân dân thành phố T không bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với 162,3m² đất cho bà Nguyễn Thị Kim Q là đúng quy định pháp luật.

[7] Mặc dù hiện trạng thửa đất bà Q đang sử dụng có sự di lệch, không cùng vị trí so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 916134 nhưng đây là thực tế và sự việc này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Q vì Ủy ban nhân dân thành phố T đã thu hồi và bồi thường cho bà Q 697,1m² đất.

[8] Ông Trần Quang T cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi đất của ông S, bà Q là không đúng vì: dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2 có thời gian triển khai là 02 năm từ 2017 đến 2019 nên tại thời điểm hiện nay thì dự án đã không còn. Thấy, hiện nay chưa có quyết định nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi thực hiện dự án này nên theo quy định pháp luật thì dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2 vẫn đang có hiệu lực thi hành.

[9] Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2 được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng nhân dân thành phố T phê duyệt là đúng quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013, khoản 2 Điều 61 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công.

[10] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.
Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 09/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Áp dụng Điều 82 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vợ chồng ông Hoàng Phong S và bà Nguyễn Thị Kim Q đối với yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6694/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND thành phố T về thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tạo quỹ đất để huy động vốn đầu tư dự án đường B giai đoạn 2 đối với bà Nguyễn Thị Kim Q.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: vợ chồng ông Hoàng Phong S, bà Nguyễn Thị Kim Q phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc: Người khởi kiện vợ chồng ông Hoàng Phong S, bà Nguyễn Thị Kim Q phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả Ủy ban nhân dân thành phố T 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0000084 ngày 01/12/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

5. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Phước Hòa